

Bản án số: 11/2017/DSPT
Ngày 29/3/2017
V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phần

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Hà và ông Nguyễn Đăng Phòn

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tấn Hoàng - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2016/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2016 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án số 27/2016/DS-ST ngày 27/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09a/2017/QĐPT – DS ngày 07 tháng 02 năm 2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hồng B, sinh năm 1954. Trú tại: Thôn 6, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An. Có mặt

* *Các Bị đơn:*

1- Ông Nguyễn Hữu B1, sinh năm 1967. Có mặt

2- Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1955. Có mặt

3- Ông Đặng Đình T, sinh năm 1957. Có mặt

Đều trú tại: Thôn 5, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An

* *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1- Bà Đặng Thị V, sinh năm 1958 (Vợ ông B). Trú tại: Thôn 6, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt. Ủy quyền cho ông Nguyễn Hồng B, sinh năm 1954. Trú tại: Thôn 6, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An theo giấy uỷ quyền ngày 12/8/2015. Có mặt

2- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978. Trú tại: Thôn 6, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1980. Trú tại: Trường cấp 2, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- 4- Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1982. Trú tại: Thôn 6, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.
- 5- Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1988. Trú tại: Xóm Ngọc Văn, xã Diên Ngọc, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.
- 6- Anh Nguyễn Hồng Anh, sinh năm 1990. Trú tại: Thôn 6, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An. Có mặt.
- 7- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991. Trú tại: Trường cấp 2, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.
- 8- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1932. Trú tại: Thôn 1, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.
- 9- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1943. Trú tại: Xóm 3/2, xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.
- 10- Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1956. Trú tại: Thôn 2, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.
- 11- Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1959. Trú tại: Thôn 3, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.
- 12- Anh Nguyễn Viết H, sinh năm 1955. Trú tại: Thôn 4, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.
- 13- Anh Nguyễn Viết D, sinh năm 1956. Trú tại: Thôn Bãi Lim, xã Phúc Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.
- 14- Anh Nguyễn Viết B, sinh năm 1962. Trú tại: Thôn Bãi Lim, xã Phúc Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.
- 15- Anh Nguyễn Viết B1, sinh năm 1964. Trú tại: Thôn Bãi Lim, xã Phúc Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.
- 16- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1968 (Vợ ông B1). Trú tại: Thôn 5, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt. Ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu B1, sinh năm 1967. Trú tại: Thôn 5, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An theo giấy ủy quyền ngày 14/8/2015. Có mặt
- 17- Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1991. Trú tại: Thôn Nghĩa Đức, Thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.
- 18- Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1988. Trú tại: 126/2C đường Lưu Chí Hiếu, P. Thống Nhất, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Vắng mặt.
- 19- Bà Trần Thị S, sinh năm 1956 (Vợ ông Đ). Trú tại: Thôn 5, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt. Ủy quyền cho ông Trần Văn Đ, sinh năm 1955. Trú tại: Thôn 5, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An theo giấy ủy quyền ngày 14/8/2015. Có mặt
- 20- Anh Trần Văn D, sinh năm 1984. Vắng mặt.
- 21- Anh Trần Văn T, sinh năm 1987. Vắng mặt.
- 22- Anh Trần Văn G, sinh năm 1985. Vắng mặt.
Đều trú tại: Thôn 5, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An.
- 23- Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1959 (Vợ ông T). Trú tại: Thôn 5, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt. Ủy quyền cho ông Đặng Đình T, sinh năm 1958

- Trú tại: Thôn 5, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An theo giấy uỷ quyền ngày 14/8/2015. Có mặt

24- Chị Đặng Thị V, sinh năm 1983. Trú tại: Ấp 1, Tiên Hưng, huyện Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

25- Chị Đặng Thị L, sinh năm 1985. Trú tại: Thôn 5, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

26- Chị Đặng Thị P, sinh năm 1988. Trú tại: Thôn 4, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

27- Chị Đặng Thị P1, sinh năm 1991. Trú tại: Thôn 3, xã Thạch Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung: Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2015, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm vợ chồng ông Nguyễn Hồng B và bà Đặng Thị V trình bày: Năm 1993, hộ gia đình ông B, bà V được Nhà nước giao đất nông nghiệp tại địa danh Ruộng Xối thuộc thôn 6, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An, đất được giao theo khẩu phần cho hộ gia đình thời điểm đó có 9 nhân khẩu gồm: Ông Nguyễn Nhự Hoá (Bố ông B), vợ chồng ông B, bà V và các con gồm Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Thị K, Nguyễn Hồng Anh, Nguyễn Thị T. Sau khi nhận đất hộ gia đình ông, bà sản xuất lúa được 2 năm, đến năm 1995 thì vợ chồng ông B bàn bạc với các hộ gia đình; ông Nguyễn Hữu B1, ông Trần Văn Đ và ông Đặng Đình T thuộc thôn 5, xã V đổi đất nông nghiệp vùng Ruộng Xối gia đình ông B lấy đất nông nghiệp tại vùng Ao ươm thủy sản của các hộ gia đình ông B1, ông Đ, ông T để vừa nuôi cá vừa trồng lúa và được các hộ gia đình đồng ý đổi bằng miệng chứ không lập văn bản, việc đổi đất không kèm theo điều kiện gì. Sau khi đổi đất cho nhau các hộ gia đình sản xuất ổn định, đúng mục đích. Năm 1997 theo chủ trương của Nhà nước về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định số 64/NĐ-CP nên hộ gia đình ông B, bà V đã làm các thủ tục để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có phần đất nông nghiệp đã đổi cho các hộ gia đình ông B1, ông Đ, ông T tại địa danh Ao ươm thủy sản và đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998, thửa số 14, tờ bản đồ số 195 - 14, diện tích 1.220 m² và hộ gia đình ông B đã sử dụng ổn định, đúng mục đích. Tháng 10/2012 các hộ gia đình ông B1, ông Đ và ông T đòi lại đất đã đổi nhưng được xã Hoà giải, nên các hộ gia đình tiếp tục sử dụng đất ổn định. Đến tháng 12/2014 các hộ ông B1, ông Đ, ông T tiếp tục đòi đất nhưng ông B không Đ ý và mặc dù đã được chính quyền địa phương can thiệp nhưng các hộ vẫn không chấp hành mà vẫn chiếm đất sử dụng cho đến nay. Vì vậy vợ chồng ông B, bà V cùng các thành viên trong hộ gia đình đề nghị Tòa án buộc các hộ gia đình ông Nguyễn Hữu B1, ông Trần Văn Đ và ông Đặng Đình T trả lại thửa đất thửa số 14, tờ bản đồ số 195-14 tại địa danh Ao ươm Thủy sản thuộc thôn 5, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An cho hộ gia đình ông sử dụng và không có yêu cầu gì về phần bồi thường thiệt hại.

Các chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị Hải Y, chị Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Hồng Anh, chị Nguyễn Thị T là các con của ông B, bà V đều thống nhất với quan điểm ông B, bà V; yêu cầu các hộ ông B1, ông Đ, ông T trả lại đất đã đổi cho gia đình.

Các bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị Q, anh Nguyễn Viết H, anh Nguyễn Viết D, anh Nguyễn Viết B, anh Nguyễn Viết B1 là các con và cháu ngoại của ông Nguyễn Nhự H5 (ông H5 mất năm 1999) và bà Nguyễn Thị S (bà Sinh mất năm 1967). thời điểm ông Hoá và bà Sinh mất không để lại di chúc. Hiện nay ông B đang kiện các hộ gia đình ông B1, ông Đ và ông T trả lại thửa đất tại vùng Ao ươm thuỷ sản, thuộc thôn 5, xã V, huyện A là thửa đất có khẩu phần của ông Nguyễn Nhự Hoá chúng tôi không có ý kiến gì và không tranh chấp gì phần đất của ông Nguyễn Nhự Hoá để lại mà ông B đang kiện đòi lại.

Vợ chồng ông Nguyễn Hữu B1 và bà Nguyễn Thị K cùng các con là chị Nguyễn Thị Hương và anh Nguyễn Hữu C thống nhất trình bày: Nguồn gốc đất tại vùng Ao ươm thuỷ sản hộ gia đình ông B1, bà Khoa đổi cho hộ ông Nguyễn Hồng B là đất là của hộ gia đình ông, bà được Nhà nước giao vào năm 1993, không biết diện tích bao nhiêu nhưng nay xác định được, 337,9m². Việc chuyển đổi đất giữa hộ gia đình ông B1 với hộ gia đình ông B vào năm 1995 là có thật, nhưng chỉ thống nhất đổi bằng miệng không có giấy tờ gì, đổi tạm thời chứ không phải đổi vĩnh viễn. Khi đổi không kèm theo điều kiện gì và không thoả thuận thời hạn lấy lại đất nên gia đình thích lấy lại khi nào thì lấy. Diện tích đất tại vùng Ao ươm thuỷ sản của gia đình ông, bà có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Hồng B là không đúng vì; gia đình ông B1 không ký giấy chuyển đổi, chuyển nhượng cho ông B mà chỉ thống nhất đổi bằng miệng. Tháng 10/2012 vợ chồng ông B1 đã nói với ông B là lấy lại đất đã đổi nhưng ông B không trả, nên tháng 12/2014 gia đình ông quyết tâm lấy lại đất đã đổi cho hộ ông B tại vùng Ao ươm thuỷ sản và trả lại đất cho ông B tại vùng Ruộng Xối để thuận canh thuận cư. Nay gia đình ông B yêu cầu trả lại đất, gia đình ông B1 không nhất trí. Còn diện tích đất tại vùng Ruộng Xối mà gia đình ông đổi cho ông B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông hay chưa ông không biết.

Vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Trần Thị S và các con là anh Trần Văn D, anh Trần Văn T, anh Trần Văn G thống nhất trình bày: Nguồn gốc đất tại vùng Ao ươm thuỷ sản mà gia đình ông, bà đổi cho hộ ông Nguyễn Hồng B là đất của gia đình ông Đ được Nhà nước giao vào năm 1993, không biết diện tích bao nhiêu nhưng nay xác định được, 422,4m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông. Việc chuyển đổi đất giữa gia đình ông với hộ gia đình ông B vào năm 1995 là có thật nhưng chỉ thống nhất đổi bằng miệng không có giấy tờ gì, đổi tạm thời chứ không phải đổi vĩnh viễn. Khi đổi không kèm theo điều kiện gì và cũng không thoả thuận thời hạn lấy lại đất nên gia đình ông thích lấy lại khi nào thì lấy. Diện tích đất tại vùng Ao ươm thuỷ sản của gia đình ông, bà có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Hồng B là không đúng vì; gia

đình ông không ký giấy chuyển đổi, chuyển nhượng cho ông B mà chỉ thống nhất đổi đất bằng miệng. Tháng 10/2012 vợ chồng ông đã nói với ông B là lấy lại đất đã đổi nhưng ông B không trả, nên tháng 12/2014 gia đình ông quyết tâm lấy lại đất đã đổi cho hộ ông B tại vùng Ao ươm thủy sản và trả lại đất cho ông B tại vùng Ruộng Xối để thuận canh thuận cư. Nay gia đình ông B yêu cầu trả lại đất, gia đình ông Đ không nhất trí.

Vợ chồng ông Đặng Đình T, bà Nguyễn Thị H4 và các con là chị Đặng Thị V, chị Đặng Thị L, chị Đặng Thị P, chị Đặng Thị P1 thống nhất trình bày: Nguồn gốc đất tại vùng Ao ươm thủy sản mà gia đình ông, bà đổi cho hộ ông Nguyễn Hồng B là đất là của hộ gia đình ông được Nhà nước giao vào năm 1993, không biết diện tích bao nhiêu nhưng nay xác định được 506,9m². Việc chuyển đổi đất giữa hộ gia đình ông với hộ gia đình ông B vào năm 1995 là có thật nhưng chỉ thống nhất đổi bằng miệng không có giấy tờ gì, đổi tạm thời chứ không phải đổi vĩnh viễn. Khi đổi đất cho nhau không kèm theo điều kiện gì và không thỏa thuận thời hạn lấy lại đất nên vợ chồng ông, bà thích lấy lại khi nào thì lấy. Diện tích đất tại vùng Ao ươm thủy sản của gia đình ông, bà có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Hồng B là không đúng vì; gia đình ông không ký giấy chuyển đổi, chuyển nhượng cho ông B mà chỉ thống nhất đổi đất bằng miệng. Tháng 10/2012 vợ chồng ông nói với ông B lấy lại đất đã đổi nhưng ông B không trả, nên tháng 12/2014 gia đình ông quyết tâm lấy lại đất đã đổi cho hộ ông B tại vùng Ao ươm thủy sản và trả lại đất cho ông B tại vùng Ruộng Xối để thuận canh thuận cư. Nay gia đình ông B yêu cầu trả lại đất, gia đình ông T không nhất trí. Còn diện tích đất tại vùng Ruộng Xối mà gia đình ông đổi cho ông B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông hay chưa ông không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2016/DS-ST ngày 27/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đã Quyết định; Áp dụng: Điều 255, điều 280, điều 688, điều 693 Bộ luật dân sự; Điều 167, 168, điểm b khoản 1 điều 179, 190, 203 Luật Đất đai; Điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, khoản 9 Điều 26; khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và và khoản 1, khoản 2 điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng B
- Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Hữu B1, hộ gia đình ông Trần Văn Đ và hộ gia đình ông Đặng Đình T phải có nghĩa vụ trả lại cho hộ gia đình ông Nguyễn Hồng B thửa đất số 19, tờ bản đồ số 09 có diện tích 1.267,2 m² (thửa cũ là số 14, tờ bản đồ 195 -14) tại địa danh Ao ươm thủy sản thuộc thôn 5, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An. Diện tích và tứ cận đất các hộ phải trả cụ thể như sau (Có sơ đồ kèm theo):

- + Hộ gia đình ông Trần Văn Đ phải trả 422,4 m² cạnh phía đông giáp đất ông Nguyễn Hồng B dài 47,5 m, cạnh phía tây giáp đất ông Nguyễn Hữu B1 đang quản lý, sử dụng (phần đất đang tranh chấp) dài 47,5m cạnh phía nam giáp đường nội đồng dài 8,4m, cạnh phía bắc giáp kênh chính dài 8,9m;

+ Hộ gia đình ông Nguyễn Hữu B1 phải trả 337,9 m² cạnh phía đông giáp đất ông Trần Văn Đ đang quản lý sử dụng (phần đất đang tranh chấp) dài 47,5m, cạnh phía tây giáp đất ông Đặng Đình T đang quản lý sử dụng (phần đất đang tranh chấp) dài 47,5m cạnh phía nam giáp đường nội đồng dài 7,4m, cạnh phía bắc giáp kênh chính dài 6,9 m.

+ Hộ gia đình ông Đặng Đình T phải trả 506,9 m² cạnh phía đông giáp đất ông Nguyễn Hữu B1 đang quản lý sử dụng (phần đất đang tranh chấp) dài 47,5 m, cạnh phía tây giáp đất ông Nguyễn Hồng Hiền dài 45,8 m, cạnh phía nam giáp đường nội đồng dài 11 m, cạnh phía bắc giáp kênh chính dài 10,7m.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo luật định.

Ngày 02/11/2016, các ông Nguyễn Hữu B1, ông Trần Văn Đ và ông Đặng Đình T đều kháng cáo với nội dung: Không Đ ý với quyết định của Bản án sơ thẩm, về việc chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của gia đình ông Nguyễn Hồng B. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại toàn bộ vụ án, vì gia đình các ông chưa đổi đất hẳn cho gia đình ông B.

Tại phiên tòa phúc thẩm các ông Nguyễn Hữu B1, ông Trần Văn Đ và ông Đặng Đình T đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến; Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Hữu B1, ông Trần Văn Đ và ông Đặng Đình T, giữ nguyên nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm, nhưng sửa cách tuyên cho phù hợp Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của các bà Đặng Thị V, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị H4, bà Trần Thị S đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm; Xét kháng cáo của các ông Nguyễn Hữu B1, ông Trần Văn Đ và ông Đặng Đình T, Hội đồng xét xử nhận định:

Năm 1993 hộ gia đình ông Nguyễn Hữu B1, hộ gia đình ông Trần Văn Đ và hộ gia đình ông Đặng Đình T được Ủy ban nhân dân xã V, huyện A giao đất sản xuất nông nghiệp. Theo đó 03 hộ gia đình ông B1, ông Đ, ông T được giao 03 mảnh đất liền kề nhau có tổng diện tích là 1.220m² thuộc vùng đất Ao ươm thủy sản, xóm 5, xã V, huyện A. Còn hộ gia đình ông Nguyễn Hồng B được giao đất sản xuất nông nghiệp thuộc vùng Ruộng Xối, xóm 6, xã V. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm các thành viên trong các hộ gia đình ông Nguyễn Hồng B, hộ ông Nguyễn Hữu B1, hộ ông Trần Văn Đ và hộ ông Đặng Đình T đều xác định và thừa nhận: Sau khi được giao đất, các hộ gia đình nhận đất để sản xuất nông nghiệp theo mục đích sử dụng từ năm 1993 đến năm 1995 thì các hộ tiến hành đổi đất cho nhau. Theo đó Hộ gia đình ông Nguyễn Hồng

B lấy 03 phần đất của 03 hộ gia đình ông Đ, ông T, ông B1 có tổng diện tích 1.220m² tại vùng Ao ươm thủy sản, xóm 5, xã V (Nay xác định thực tế là 1.267,2m²). Còn phần đất (Trương đương diện tích) của hộ gia đình ông B tại vùng Ruộng Xối, xóm 6, xã V 03 hộ gia đình ông Nguyễn Hữu B1 sử dụng (170m² +200m²); hộ ông Đặng Đình T sử dụng 325m²; hộ gia đình ông Trần Văn Đ không kê khai nên không xác định sử dụng bao nhiêu mét vuông.

Các thành viên trong hộ gia đình ông Nguyễn Hữu B1, ông Trần Văn Đ và ông Đặng Đình T nại; Việc đổi đất giữa ông B và các ông Đ, ông B1 và ông T là có thật, nhưng trao đổi bằng miệng, không có giấy tờ gì, không kèm theo điều kiện gì và cũng không xác định thời hạn, nên nay các hộ không đổi nữa mà tiến hành lấy lại đất. Thấy rằng: Sau khi đổi đất cho nhau các hộ gia đình đã tiến hành sản xuất theo mục đích ổn định. Năm 1997, thực hiện Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất. Hộ gia đình ông Nguyễn Hồng B kê khai đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/6/1998, trong đó có thửa số 14, tờ bản đồ 195 – 14, diện tích 1.220m² Vùng Ao ươm thủy sản, xóm 5, xã V (Thửa đất đang tranh chấp các hộ đổi cho ông B); Hộ ông Đặng Đình T kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I418542 ngày 30/6/1998, trong đó có thửa số 226 (1) tờ bản đồ 196 – 13, diện tích 235m² tại vùng Ruộng Xối, xóm 6, xã V (Là diện tích đất ông B đổi cho ông T); Hộ ông Nguyễn Hữu B1 kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I418477 ngày 30/6/1998, trong đó có thửa đất số 904, diện tích 170 m² và thửa đất số 226 (2), diện tích 200m² tờ bản đồ số 196 – 13, tại vùng Ruộng Xối, xóm 6, xã V (Là diện tích đất ông B đổi cho ông B1). Còn hộ gia đình ông Trần Văn Đ xác định, sau khi đổi đất cho ông B, gia đình ông Đ sản xuất một thời gian và sau đó không kê khai việc sử dụng đất, nên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặt khác, tại Công văn số 203/UBND-VPĐK ngày 11/4/2016 của UBND huyện A, tỉnh Nghệ An kết luận: Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 195 – 14 cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Hồng B; thửa đất số 226 (1) tờ bản đồ 196 – 13 cấp cho hộ gia đình ông Đặng Đình T; Thửa đất số 904 và thửa đất số 226 (2) tờ bản đồ số 196 – 13 cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Hữu B1, đúng quy định pháp luật. Riêng hộ gia đình ông Trần Văn Đ do không đăng ký kê khai đất tại vùng Ruộng Xối đã đổi cho ông B nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ khai đất của hộ gia đình ông tại vùng Ao ươm thủy sản đã được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông nhưng ông không biết thửa nào, diện tích bao nhiêu. Tại biên bản xác minh ngày 20/11/2015, UBND xã V xác nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I418487 ngày 30/6/1998 của hộ gia đình ông Trần Văn Đ không có thửa đất nào tại địa danh Ao ươm thủy sản. Việc hộ gia đình ông Đ không kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do lỗi của hộ gia đình, nhưng sau khi đổi đất hộ gia đình ông Đ đã sản xuất ổn định, đúng mục đích và không tranh chấp với ai. Hơn nữa từ khi đổi đất hộ gia đình ông Đ và các hộ gia đình khác thực hiện nghĩa vụ thuế nông

nghiệp đúng quy định trên diện tích đất đã chuyển đổi cho nhau. Và thực tế các hộ gia đình ông Nguyễn Hồng B và các hộ ông Nguyễn Hữu B1, ông Trần Văn Đ và ông Đặng Đình T đã sử dụng các diện tích đổi cho nhau từ năm 1995 đến năm 2012 và đã được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về Đất đai. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của hộ gia đình ông Nguyễn Hồng B, buộc các hộ ông Nguyễn Hữu B1, ông Trần Văn Đ và ông Đặng Đình T phải trả lại toàn bộ diện tích đất đang chiếm là có cơ sở cần được giữ nguyên. Hiện tại trên đất đang tranh chấp gia đình ông B1, ông T, ông Đ đang canh tác vụ lúa mùa năm 2017 còn khoảng 2 tháng 15 ngày nữa là thu hoạch, nên cần để cho các gia đình thu hoạch xong phải trả lại đất cho gia đình ông B sử dụng.

Về án phí: Kháng cáo của ông B1, ông Đ và ông T không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên; Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của các ông Nguyễn Hữu B1, ông Trần Văn Đ và ông Đặng Đình T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng: Các Điều 255, Điều 280, Điều 688, Điều 693 Bộ luật dân sự; Điều 167, 168, Điểm b Khoản 1 Điều 179, 190, 203 Luật Đất đai; Điểm b, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 9 Điều 26; Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng B: Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Hữu B1, hộ gia đình ông Trần Văn Đ và hộ gia đình ông Đặng Đình T phải có nghĩa vụ trả lại cho hộ gia đình ông Nguyễn Hồng B thửa đất số 19, tờ bản đồ số 09 có diện tích 1.267,2m² (thửa cũ là số 14, tờ bản đồ 195 -14) tại địa danh Ao urom thuỷ sản thuộc thôn 5, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An. Diện tích và tứ cận đất các hộ phải trả cụ thể như sau:

+ Hộ gia đình ông Trần Văn Đ phải trả 422,4m² cạnh phía Đông giáp đất ông Nguyễn Hồng B dài 47,5m, cạnh phía Tây giáp đất ông Nguyễn Hữu B1 đang quản lý, sử dụng (phần đất đang tranh chấp) dài 47,5m cạnh phía Nam giáp đường nội đồng dài 8,4m, cạnh phía Bắc giáp Kênh chính dài 8,9m;

+ Hộ gia đình ông Nguyễn Hữu B1 phải trả 337,9m² cạnh phía Đông giáp đất ông Trần Văn Đ đang quản lý sử dụng (phần đất đang tranh chấp) dài 47,5m, cạnh phía Tây giáp đất ông Đặng Đình T đang quản lý sử dụng (phần đất đang tranh chấp) dài 47,5m cạnh phía Nam giáp đường nội đồng dài 7,4m, cạnh phía Bắc giáp kênh chính dài 6,9 m.

+ Hộ gia đình ông Đặng Đình T phải trả 506,9m² cạnh phía Đông giáp đất ông Nguyễn Hữu B1 đang quản lý sử dụng (phần đất đang tranh chấp) dài 47,5 m, cạnh phía Tây giáp đất ông Nguyễn Hồng B dài 45,8m, cạnh phía Nam giáp đường nội đồng dài 11m, cạnh phía Bắc giáp kênh chính dài 10,7m.

(Có sơ đồ các thửa đất kèm theo)

Sau 02 tháng 15 ngày kể từ ngày hôm nay (ngày 29/3/2017) các hộ gia đình ông Nguyễn Hữu B1, ông Trần Văn Đ và ông Đặng Đình T phải thu hoạch vụ lúa mùa năm 2017 để trả lại đất cho gia đình ông Nguyễn Hồng B sử dụng.

Về án phí:

Ông Nguyễn Hữu B1 phải chịu 523.745 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0001941 ngày 02/11/2016.

Ông Trần Văn Đ phải chịu 654.720 đồng và 200.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0001942 ngày 02/11/2016.

Ông Đặng Đình T phải chịu 785.695 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0001940 ngày 02/11/2016.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hồng B 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005826 ngày 12/5/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An,
- TAND huyện A,
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện A,
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phạm Văn Phần